

Số : 715 /QĐ-UBND

Chư Prông, ngày 06 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 31/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt quyết toán thu – chi ngân sách năm 2017;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2017 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Lưu VT+TH.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 715/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	446.148,00	628.232,02	140,81%
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	39.900,00	47.120,76	118,10%
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	39.900,00	47.120,76	118,10%
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	406.248,00	536.571,91	132,08%
-	Thu bổ sung cân đối	377.720,00	452.581,47	119,82%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	28.528,00	83.990,44	294,41%
3	Thu kết dư		29.706,04	
	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên		4.932,95	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		9.900,36	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	446.148,00	582.257,28	130,51%
I	Chi cân đối ngân sách huyện	446.148,00	564.854,33	126,61%
1	Chi đầu tư phát triển	34.540,00	50.578,10	146,43%
2	Chi thường xuyên	403.168,00	514.276,23	127,56%
3	Dự phòng ngân sách	8.440,00		0,00%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
II	Chi các chương trình mục tiêu			
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		4.029,58	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		13.373,37	

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 745/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN	451.848,00	446.148,00	638.188,38	628.232,02	141,24%	140,81%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	45.600,00	39.900,00	57.077,13	47.120,76	125,17%	118,10%
I	Thu nội địa	45.600,00	39.900,00	57.077,13	47.120,76	125,17%	118,10%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	500,00		1.129,57	121,04	225,91%	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.900,00	9.900,00	14.670,44	13.582,15	148,19%	137,19%
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.700,00	6.700,00	7.045,11	7.045,11	105,15%	105,15%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	5.200,00	5.200,00	5.317,81	5.317,81	102,27%	102,27%
8	Thu phí, lệ phí	1.400,00	800,00	2.239,68	1.399,98	159,98%	147,26%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			30,85	30,85		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất	15.000,00	15.000,00	17.550,67	17.550,67	117,00%	117,00%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	3.800,00	600	5.437,69	823,18	143,10%	137,20%
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	3.100,00	1700	3.655,31	1.249,98	117,91%	73,53%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
II	Thu viện trợ						
B	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	406.248,00	406.248,00	541.504,85	541.504,85	133,29%	133,29%
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	406.248,00	406.248,00	536.571,91	536.571,91	132,08%	132,08%
	Bổ sung cân đối	377.720,00	377.720,00	452.581,47	452.581,47	119,82%	119,82%

ST T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	Bổ sung có mục tiêu	28.528,00	28.528,00	83.990,44	83.990,44	294,41%	294,41%
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			4.932,95	4.932,95		
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			29.706,04	29.706,04		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			9.900,36	9.900,36		

100 4 30

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 745 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	446.148,00	582.257,28	130,51%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	446.148,00	564.854,33	126,61%
I	Chi đầu tư phát triển	34.540,00	50.578,10	146,43%
1	Chi đầu tư cho các dự án	30.600,00	41.392,86	135,27%
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		17.487,02	
-	Chi khoa học và công nghệ		951.831,00	
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		9.231,58	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác	3.940,00	9.185,24	
II	Chi thường xuyên	403.168,00	514.276,23	127,56%
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	215.838,00	209.865,21	97,23%
2	Chi khoa học và công nghệ	350,00	334,77	95,65%
III	Dự phòng ngân sách	8.440,00		
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
B	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		13.373,37	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		4.029,58	